

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên dần.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biên đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên nhanh; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 25-55cm, xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 30-65cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 06/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-40cm; mực nước thấp cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 15-25cm, thấp hơn TBNN từ 05-45cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/9 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-55cm. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mực nước cao nhất và thấp nhất đều ở mức cao hơn từ 55-65cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn từ 55-60cm so với TBNN.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước dao động theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/9 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên nhanh trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên nhanh theo triều biển Đông trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên dần trong những ngày tới; trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, biên độ nước lên trung bình từ 05-

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên dần theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 08/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 06/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			07/9	08/9	09/9	10/9	11/9	07/9	08/9	09/9	10/9	11/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	248	54	-65	291	56	-39	299	307	313	317	318	258	266	274	280	284
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	147	22	-30	238	32	19	247	255	261	264	264	156	164	174	186	200
Hậu	Khánh An	420	470	520	384	53	-5	392	55	3	400	408	416	420	422	392	401	409	417	418
	Châu Đốc	300	350	400	198	24	-64	254	25	-29	263	271	277	281	282	206	214	224	236	250
	Long Xuyên	190	220	250	99	2	-8	219	17	37	228	236	242	245	245	108	118	128	140	154
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	155	18	-44	240	30	5	249	257	263	266	266	164	172	182	194	208
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	181	58	-57	188	64	-60	195	202	210	218	226	189	196	203	211	219
	Vinh Gia	200	240	280	76	5	-45	81	6	-55	83	85	88	91	95	79	82	85	89	93
	Vinh Điều	170	200	230	66	1	-4	74	3	-11	75	77	79	82	85	68	70	72	75	78
T3	Vinh Phú	150	180	210	65	-9	-10	71	-8	-9	72	74	76	79	82	66	68	70	73	76
T5	Nông Trường	160	190	220	75	-4	-7	80	-4	-7	81	83	85	88	91	76	78	80	83	86
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	117	6	-43	121	5	-43	123	125	128	131	136	118	121	124	127	131
	Cô Tô	140	180	220	112	-3	-9	116	-3	-9	117	119	121	123	126	113	114	116	118	121
	Nam Thái Sơn	90	120	150	74	-10	-	79	-8	-	80	81	83	85	88	75	77	79	81	84
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	77	1	-47	79	0	-52	81	83	86	89	93	78	80	82	85	88
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	123	-1	-3	135	-1	9	138	141	144	149	154	125	129	133	139	145
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	163	16	-15	182	14	-8	186	190	195	200	206	165	169	173	179	185
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	103	-10	-26	127	-6	-11	129	132	135	140	145	105	108	112	118	124
	Tân Thành	120	150	180	87	-12	3	97	-11	5	98	100	102	104	106	88	90	92	94	96
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	70	-10	7	77	-10	8	78	80	81	82	84	71	73	75	77	79
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-3	-8	5	50	1	1	44	45	47	49	52	-6	-5	-2	2	9
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-14	-3	8	54	9	5	60	68	74	75	71	-19	-27	-33	-34	-30

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





